

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án Số:30/ 2019/ HS - ST
Ngày 27/8/2019

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà L- u Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Đình Hồng
2. Bà Đặng Thị Thỏa

Th- ký phiên tòa: Bà Tống Thị Hà - Th- ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số:32/2019/TLST - HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số:29/2019/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Tống Minh C-** sinh ngày 19 tháng 10 năm 1995; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn Hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Con ông Tống Văn X- sinh năm 1965; Con bà Bùi Thị Đ(đã chết); Vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/6/2019 đến ngày 12/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

2/ **Chung Văn K-** sinh ngày 26/9/1990; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 7, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Chung Văn T; sinh năm 1965; Nơi cư trú: Phường L, thị xã B. con bà: Đặng Thị T; sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khu phố 7, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; Vợ: Nguyễn Thị T; sinh năm 2000(chưa đăng ký kết hôn); có 01 con nhỏ sinh năm 2019; tiền sự: không; tiền án có 01 tiền án

- Ngày 15/10/2013 Chung Văn K bị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 7 năm tù về tội " Cướp tài sản". Ngày 13/01/2018 Kiên chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống.

Nhân thân: Ngày 25/10/2005 bị Công an phường B xử phạt vi phạm hành chính(cảnh cáo) về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 25/02/2006, bị Công an phường Ba Đ xử phạt vi phạm hành chính(cảnh cáo) vì hành vi đánh nhau. Ngày 09/8/2006, bị công an phường B xử phạt vi phạm hành chính(cảnh cáo) vì hành vi chiếm đoạt tài sản. Ngày 12/10/2006 bị Chủ tịch UBND thị xã B đưa vào cơ sở giáo dục tại Trường giáo dưỡng Tam Điệp, Ninh Bình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2019- có mặt

*** Ng- ời bị hại:** Anh Trương Văn H- sinh năm 1989

Địa chỉ: Đội 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa(Vắng mặt)

*** Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Trần Đức H - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố 11, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ọc tóm tắt nh- sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/6/2019 Tống Minh C cùng với nhóm bạn gồm Tống Thị H, sinh năm 1992, trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Tống Thị Hoài A sinh năm 1998, trú tại xã Đ, huyện Đ, Tỉnh Thanh H, Mai Văn T sinh năm 1998, trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa và Lê Tuấn A, sinh năm 1999 trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa rủ nhau đến quán karaoke S ở xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để hát. Tại đây, Tống Minh C đã gặp anh Trương Văn H(H là bạn mới quen của Tống Thị H, đến hát cùng với cả nhóm). Do đang thiếu tiền để tiêu xài cá nhân, thấy anh H có chiếc xe máy nhãn hiệu honda Airblade màu trắng BKS: 36B4- 141.00 nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mang đi cầm cố(cầm) lấy tiền. Để thực hiện ý định của mình, Tống Minh C lấy lý do đứng hát tại quán karaoke S, sau đó mời mọi người di chuyển ra quán karaoke Tuấn A 3 ở khu phố 8, phường B, thị xã B hát tiếp. Được mọi người đồng ý, Chung chủ động nói với H đi taxi cùng với T và Tuấn A, còn xe máy để C mượn chở H và Hoài A. Lúc này H không biết ý định của C nên đã giao chìa khóa và xe máy cho C. Khi đến quán hát Tuấn A 3, C thấy H đã đến trước, đang ngồi chờ ở quầy lễ tân nhưng C không trả chìa khóa và xe máy cho H mà bỏ vào túi quần để lúc sau mang đi

cắm. Do không biết chỗ cắm xe nên khi mọi người vào phòng hát, C đã gọi Tổng Thị H ra ngoài, nhờ H điện cho Chun Văn K gọi K đến hát cùng(mục đích để nhờ dẫn đi cắm xe). H đồng ý và điện thoại rủ K đến quán hát cùng với cả nhóm. Khi K đến được khoảng 10 đến 15 phút, C gọi K ra ngoài phòng hát, nhờ K tìm chỗ cắm chiếc xe máy để lấy tiền. K hỏi lại C " Cắm xe nào, của ai?". K hỏi tiếp: " Đã hỏi ý kiến người ta chưa? thì C trả lời: " Em không hỏi mà tự ý lấy, chìa khóa xe em đang cầm đây rồi". Lúc này K nhận thức rõ việc C đã dùng thủ đoạn gian dối, lừa anh Trương Văn H để chiếm đoạt được chiếc xe và nhờ mình mang đi cầm cố để lấy tiền. Tuy nhiên, vì là bạn bè quen biết, K vẫn đồng ý giúp C. K lấy điện thoại ra gọi cho cho Trần Đức H để hỏi nhờ cầm cố xe. Được H đồng ý, Chung điều khiển xe máy chở K lên quán nước gần bên xe B để gặp H. Tại đây, K đã trực tiếp đứng ra cầm cố chiếc xe máy BKS: 36B4- 141.00 cho Trần Đức H lấy 10.000.000đ rồi đưa lại toàn bộ số tiền trên cho Tổng Minh C. Sau đó cả hai bắt taxi quay về quán hát cùng mọi người. Số tiền 10.000.000đ C đã dùng để chi trả tiền hát và chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết. Sau khi biết được mình đã bị C lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe đi cầm cố, sáng ngày 04/6/2019 anh Trương Văn H đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thị xã B trình báo vụ việc.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã bị phát hiện, lần lượt vào các ngày 04/6/2019 và 06/6/2019, Tổng Minh C và Chung Văn K đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật, tài sản tu giữ gồm: 01(một) xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu trắng bạc đen, BKS:36B4- 141.00, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã B kết luận: 01(một) xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu trắng bạc đen, BKS:36B4- 141.00, màu trắng bạc đen; có số khung: 1807AY288325, số máy: JF27E0331555. Mua tháng 01/2015, xe cũ đã qua sử dụng, trị giá tài sản hiện tại là : 15.370.000đ

Ngày 04/6/2019, sau khi biết được tài sản mà mình cho cầm cố là do Tổng Minh C và Chung Văn K phạm tội mà có được. Trần Đức H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy BKS:36B4- 141.00 cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã B. Đồng thời có yêu cầu các bị cáo bồi thường lại cho mình số tiền 10.000.000đ. Xét thấy bản thân Hải không có giấy phép kinh doanh cầm đồ nhưng vẫn cho C và Kiên cầm cố tài sản. Ngày 26/7/2019, UBND thị xã Bim Sơn đã ra quyết định xử phạt

vi phạm hành chính(phạt tiền) vì hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện về an ninh, trật tự đối với Trần Đức H.

Xét thấy chiếc xe máy BKS:36B4- 141.00 có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, không ảnh hưởng đến quá trình xử lý vụ án và thi hành án nên ngày 01/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là anh Trương Văn H. Anh H đã trực tiếp nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì.

Đối với Tống Thị H, Tống Thị Hoài A, Mai Văn T và Lê Tuấn A đã tham gia hát karaoke cùng với Tống Minh C nhưng không hay biết việc C phạm tội, việc lừa đảo chiếc xe của anh H là ý thức chủ quan của C và do mình C thực hiện. Bản thân C Văn K cũng khẳng định Tống Thị H chỉ gọi điện rủ mình lên quán hát chứ không nói gì đến việc cầm cố chiếc xe máy của anh Trương Văn H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã triệu tập nhiều lần tuy nhiên hiện nay H không có mặt tại địa phương, chưa tiếp tục làm việc được. Do đó không có cơ sở để xử lý đối với Tống Thị H.

Tại Bản cáo trạng số:30/ CT-VKS- BS ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã B, truy tố bị cáo Tống Minh C về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Chung Văn K về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự..

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 174, điểm i, s khoản 1 khoản 2 điều 51điều 38/BLHS xử phạt bị cáo Tống Minh C từ 12 đến 15 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 323, điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52; điều 38/BLHS xử phạt bị cáo Chung Văn K từ 7 đến 10 tháng tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Tống Minh C phải bồi thường cho anh Trần Đức Hải số tiền 10.000.000đ.

Về án phí: Đề nghị áp dụng các quy định của pháp luật để tuyên theo quy định.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong Hồ sơ đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nh- sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng , ng-ời tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và ng-ời tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tống Minh C và Chung Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng nh- bản Cáo Trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của ng-ời bị hại, ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Tội ngày 03/6/2019 Tống Minh C đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu honda Airblade BKS: 36B4- 141.00 của anh Trương Văn H. Chung Văn K đã có hành vi tiêu thụ tài sản là chiếc xe máy nêu trên do Tống Minh C phạm tội mà có. Trị giá chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 36B4- 141.00 của anh Trương Văn H hiện tại là 15.370.000đ. Hiện tài sản đã đ-ợc thu hồi và trả cho bị hại. Hành vi của Chung đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định xử lý tại khoản 1 điều 174/BLHS. Hành vi của K đã đủ yếu tố cấu thành tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án ít nghiêm trọng tuy nhiên bị cáo C đã thực hiện hành vi một cách táo bạo, lợi dụng sự tin t-ởng của anh H để chiếm đoạt tài sản. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị tương đối lớn 15.370.000đ (M-ời lăm triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ mà còn gây

mất lòng tin trong nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, HĐXX cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo Tống Minh C. Như thế, mới có thể giáo dục C thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Chung Văn K nhận thức rõ việc bị cáo C dùng thủ đoạn gian dối, lừa anh H để chiếm đoạt chiếc xe máy, nhờ K đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. K không phản đối mà lại đồng ý giúp C mang xe đi cầm cố lấy số tiền 10.000.000đ. Hành vi của bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật. Bị cáo có 1 tiền án về tội "cướp tài sản" chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt hành chính và đã bị đưa vào cơ sở giáo dục tại trường giáo dưỡng Tam Điệp, Ninh Bình chứng tỏ bản chất bị cáo là khó cải tạo. Vì vậy, HĐXX cần xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo C Văn K. Như thế, mới có thể giáo dục Kiên thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tống Minh C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Chung Văn K phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm qui định tại điểm h khoản 1 điều 52/BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51/BLHS. Tống Minh C được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về Trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 36B4- 141.00 đã được thu hồi trả cho người bị hại nguyên vẹn, người bị hại không yêu cầu gì nên không xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức H yêu cầu C và K phải bồi thường cho anh H số tiền 10.000.000đ. Tại phiên tòa anh H giữ nguyên yêu cầu của mình. Xét anh H vì mối quan hệ bạn bè mà cho K cầm xe vay số tiền 10.000.000 đồng, anh H đã bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh ngành nghề. Số tiền 10.000.000 đ cầm xe cho anh H, K đã đưa cả ngay lúc đó cho C vì vậy buộc C phải có trách nhiệm bồi thường cho anh H là phù hợp.

- □n phí HSST và DSST các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS đối với Tổng Minh C. Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Chung Văn K

* **Tuyên bố:** Bị cáo Tổng Minh C đã phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Chung Văn K đã phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

* **Xử phạt:** Tổng Minh C 10(mười) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ 8 ngày.

- Xử phạt: Chung Văn K 7(bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/6/2019.

* **Về TNDS:** Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự Buộc Tổng Minh C phải bồi th- ờng cho anh Anh Trần Đức H; Địa chỉ: Khu phố 11, phường N , thị xã B, tỉnh Thanh Hóa số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Án phí: □p dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 21, Điều 23, 26 và 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc bị cáo Chung Văn K phải chịu 200.000đ án phí HSST, buộc bị cáo Tổng Minh C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Đức H có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Tổng Minh C không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Tr- ờng hợp Bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án Dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị c- ỡng chế theo quy định tại điều 6,7,7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Tổng Minh C và Chung Văn K, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức H. vắng mặt ng- ời bị hại Trương Văn H.

Các bị cáo đ-ợc quyền kháng cáo bản án, ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức H đ-ợc quyền kháng cáo về phần có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(27/8/2019).

Ng-ời bị hại vắng mặt đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã B;
- Bị cáo;
- Ng-ời bị hại
- Ng-ời có QLNVLQ
- Phòng Giám đốc án;
- L- u Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

L- U THỊ LAN